

Số: 127/TB-TQK

Quận 12, ngày 16 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc công khai các khoản thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường THCS Trần Quang Khải Năm học 2020 – 2021

Căn cứ Công văn số 3312/UBND-VX ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về cơ chế thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2020 – 2021 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2772/GDĐT-KHTC ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2020-2021 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Hướng dẫn Liên Sở số 2229/HDLS/BHXXH-GDĐT ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo và Bảo hiểm Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Công văn 8561/UBND-GDĐT-TC ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận về việc phê duyệt khung mức thu, sử dụng các khoản thu đối với các trường công lập thuộc quận năm học 2020 – 2021;

Trường THCS Trần Quang Khải công khai các khoản thu, sử dụng học phí và thu khác tại đơn vị năm học 2020 – 2021 tại đơn vị như sau:

I. NỘI DUNG THU, MỨC THU:

1. Thu học phí:

Nội dung	Mức thu
Học phí (đồng/học sinh/9 tháng)	60.000

2. Thu khác:

2.1. Thu hộ - chi hộ:

Nội dung	Mức thu
Bảo hiểm y tế học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	563.220
Bảo hiểm tai nạn học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	45.000

Ấn chỉ hồ sơ học sinh tối đa (đồng/học sinh/năm học)	90.000
Ấn chỉ đề kiểm tra (bao gồm giấy kiểm tra và đề kiểm tra) (đồng/học sinh/năm)	8.000
Nước uống học sinh (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	5.000

2.2. Thu theo thỏa thuận:

Nội dung	Mức thu
Học phí lớp tự chọn tin học (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	40.000
Học phí tiếng Anh bản ngữ (đồng/học sinh/tháng)	
4 tiết/tháng	90.000
8 tiết/tháng	180.000
Học phí lớp nghề phổ thông (đồng/ tiết x 70 tiết/khóa)	2.500
Học phí học thêm trong nhà trường (đồng/ tiết/ học sinh)	5.000
Học phí học bơi ngoài nhà trường (đồng/học sinh/12tiết/khóa)	105.000
Giáo dục kỹ năng sống (đồng/học sinh/4 tiết/tháng)	60.000
(đồng/học sinh/2 tiết/tháng)	35.000

II. SỬ DỤNG:

1. Học phí:

- Trích 40%/ tổng thu học phí để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (trường hợp trong năm có văn bản hướng dẫn thay đổi tỷ lệ trích cải cách tiền lương thấp hơn 40% thì phần chênh lệch đơn vị bổ sung chi hoạt động theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ).

- Chi 40%/ tổng thu hỗ trợ đời sống cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

Trong đó:

+ Hỗ trợ Hiệu trưởng, Kế toán, thủ quỹ quản lý thu: 400.000 đồng/ tháng/ người x 9 tháng.

+ Phần còn lại: chia đều cho CB-GV-NV (kể cả hợp đồng).

- Chi 20%/ tổng thu chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...) và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

2. Thu khác:

2.1. Thu hộ - chi hộ:

- Đối với khoản thu Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn được nộp toàn bộ về cơ quan Bảo hiểm để thực hiện mua bảo hiểm cho học sinh.

- Đối với khoản thu ấn chỉ hồ sơ học sinh, ấn chỉ đề kiểm tra, nước uống học sinh được sử dụng toàn bộ để thanh toán cho đơn vị cung cấp.

2.2. Thu thỏa thuận:

2.2.1. Nguồn thu học phí lớp tự chọn tin học

- Chi hỗ trợ cho giáo viên tin học tự chọn đối với số tiết dạy vượt quy định thực hiện theo Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013; trả tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương nếu hợp đồng hoặc thỉnh giảng giáo viên dạy tin học tự chọn theo thực tế phát sinh.

- Chi 20%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4

- Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp; trích khấu hao theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.2. Nguồn thu học phí lớp học nghề phổ thông

- Chi 80%/ tổng thu hỗ trợ giáo viên trực tiếp giảng dạy và trả tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương nếu hợp đồng hoặc thỉnh giảng giáo viên dạy nghề phổ thông.

- Chi 15%/ tổng thu hỗ trợ cán bộ quản lý và nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4.

- Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...) chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp; trích khấu hao theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.3. Nguồn thu học phí học bơi ngoài nhà trường.

- Chi 80% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 20% để lại đơn vị cho các nội dung sau:

+ Chi 15%/ tổng thu hỗ trợ ban tổ chức hoạt động dạy và học môn bơi lội (Cụ thể: Trưởng ban hệ số 2; Phó trưởng ban hệ số 1,5; Thành viên hệ số 1,2)

+ Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...) chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp; trích khấu hao theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.4. Nguồn thu học phí học thêm trong nhà trường.

- Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (kể cả giáo viên dạy thỉnh giảng) theo số giờ dạy thêm thực tế với định mức là 100.000 đồng/giờ.

- Chi 15%/ tổng thu cho quản lý, tổ chức học thêm, phục vụ dạy thêm (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị và hỗ trợ thu hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4.

- Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp; trích khấu hao theo quy định hiện hành và dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy

định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.5. Nguồn thu học phí tiếng Anh bản ngữ

- Chi 80% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 20% để lại đơn vị cho các nội dung sau:

+ Chi 5%/ tổng thu để chi hỗ trợ công tác quản lý, nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị và hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3; Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp và trích khấu hao theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

2.2.6. Nguồn giáo dục kỹ năng sống

- Chi 70% trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi 30% để lại đơn vị cho các nội dung sau:

+ Chi 5%/ tổng thu để chi hỗ trợ công tác quản lý, nhân viên gián tiếp (Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ hệ số 1,2; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị và hỗ trợ thu tiền hệ số 0,3, Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4.

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng; chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp và trích khấu hao theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

3.1 Trên cơ sở mức thu, giao bộ phận Kế toán tổng hợp xây dựng mức thu theo quy định, trường hợp có chênh lệch với mức tạm thu đề nghị trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch điều chỉnh (tăng hoặc giảm) mức thu và thông báo cụ thể đến từng phụ huynh học sinh.

3.2 Giao bộ phận quản lý website đăng thông báo công khai trên trang web của trường; giao Giáo viên chủ nhiệm thông báo nội dung công khai các khoản thu đến từng phụ huynh học sinh theo quy định. Bộ phận văn phòng có trách nhiệm phát hành thông báo và dán bảng thông tin để phụ huynh được thông tin đầy đủ nội dung thu theo quy định của nhà trường.

Trên đây là thông báo công khai các khoản thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường THCS Trần Quang Khải năm học 2020 – 2021, đề nghị các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các bộ phận báo cáo về Hiệu trưởng (thông qua bộ phận Kế toán) để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thông báo bảng, website
- Lưu: VT.



Đinh Văn Trịnh